TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/KDTM-ST
Ngày: 10-7-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Thuận
Ông Phạm Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", thụ lý số 27/2023/TLST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần D
Địa chỉ: Số D Đường C Phường A thành phố C tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Thanh S, Quyền giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần D (theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 10 năm 2023 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần D).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần B (Bệnh viện T2)
Địa chỉ : A Tỉnh lộ 827 Phường G thành phố T tỉnh Long An.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị Huyền T
Địa chỉ: 2 Đường Đ phường T quận T Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01 tháng 7 năm 2021, Công ty Cổ phần D, thông qua người đại diện theo ủy quyền là chi nhánh Cổ phần Dược phẩm D, xác lập hợp đồng mua bán với Công ty Cổ phần B. Theo đó, Công ty Cổ phần D bán các sản phẩm thuốc cho Công ty Cổ phần B và bên mua có nghĩa vụ trả tiền theo giá trị ghi trên hóa đơn bằng hình thức chuyển khoản trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn và bên mua nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên mua đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, Công ty Cổ phần B đã xác nhận số tiền còn nợ, thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ mà Công ty Cổ phần D đã gửi cho Công ty Cổ phần B và đã được Công ty Cổ phần B xác nhận đồng ý, đóng dấu treo và gửi lại cho Công ty Cổ phần D. Tuy nhiên, sau đó, Công ty Cổ phần D đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty Cổ phần B vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Công ty Cổ phần D khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần B trả số tiền mà Công ty Cổ phần B còn nợ là 296.766.120 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần B không tham gia phiên họp. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã lập Biên bản về không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Công ty Cổ phần D và Công ty Cổ phần B đã xác lập Hợp đồng mua bán hàng hóa, với nội dung là Công ty Cổ phần D bán hàng hóa cho bên mua là Công ty Cổ phần B, đối tượng của hợp đồng là sản phẩm thuốc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần B đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, Công ty Cổ phần D khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần B trả số tiền còn nợ. Theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn tại thời điểm đó là ông Nguyễn Văn T1 không tham gia tố tụng. Do đó ngày 24 tháng 4 năm 2024, Tòa án đã lập biên bản về không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố Tân An đưa vụ án ra xét xử theo quy định; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Vũ Thị Huyền T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Mặc dù, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03 tháng 7 năm 2023, có xác nhận của "Hà Duy L" nhưng không được đóng dấu của Công ty Cổ phần B và cho rằng số tiền 296.766.120 đồng là số tiền "tạm tính". Tuy nhiên, trong Biên bản đối chiếu công nợ đã nêu, có xác nhận của người tên là Hà Duy L tại mục "Xác nhận của khách hàng" "đồng ý" và văn bản này có dấu đóng của Công ty Cổ phần B

và Công ty Cổ phần B không thể hiện rõ người ký xác nhận và dấu đóng trong văn bản không phải của mình. Hơn nữa, Công ty Cổ phần B không phản đối số tiền còn nợ thể hiện trong văn bản đã nêu nên xét thấy Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03 tháng 7 năm 2023 mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ chứng minh Công ty Cổ phần B còn nợ Công ty Cổ phần D 296.766.120 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Tòa án không xem xét.

[4] Mặt khác, việc Công ty Cổ phần B cho rằng sẽ tiến hành làm rõ lại số tiền còn nợ với nguyên đơn nếu như bị đơn có chứng cứ chứng minh là không phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và việc đề nghị gia hạn trả nợ đến tháng 12 năm 2024, không được sự đồng ý của nguyên đơn nên không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Công ty Cổ phần B phải trả toàn bộ số tiền nợ cho Công ty Cổ phần D là 296.766.120 đồng theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 của Luật thương mại.

[5] Về án phí: Công ty Cổ phần B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 296.766.120đ x 5% =14.838.306 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại; Điều 272 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần B (Bệnh viện T2) phải trả cho Công ty Cổ phần D 296.766.120 (hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo

mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

Về án phí: Công ty Cổ phần B phải chịu án phí sơ thẩm là 14.838.306 đồng; Công ty Cổ phần D không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần D 7.419.153 đồng tiền tạm ứng án phí mà Công ty Cổ phần D đã nộp (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002832 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An tỉnh Long An).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
-Chi cục thi hành án dân sự
-Các đương sự
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thảo